

NGHỊ ĐỊNH
Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 61/2014/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và pháp luật có liên quan.

b) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tại khu vực cảng hàng không, sân bay. Việc quản lý, sử dụng đối với các tài sản này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công áp dụng đối với tài sản công phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không là công trình và đất gắn liền với công trình dịch vụ hàng không, phi hàng không (dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; dịch vụ kỹ thuật hàng không; dịch vụ suất ăn hàng không; dịch vụ xăng dầu hàng không và các dịch vụ khác). Việc quản lý, sử dụng công trình và đất gắn với công trình này được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do đối tượng khác (ngoài các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này) quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng đã bán, chuyển nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong trường hợp này được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng không dân dụng theo quy định của Chính phủ.

2. Cơ quan thực hiện chức năng tham mưu và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành về hàng không dân dụng (sau đây gọi là cơ quan quản lý hàng không).

3. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản) gồm:

a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Xây dựng thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng (sau đây gọi là doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay).

b) Doanh nghiệp nhà nước thực hiện nhiệm vụ trực tiếp khai thác kết cấu hạ tầng sân bay và các công trình thiết yếu khác của cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng (sau đây gọi là doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng).

4. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Điều 3. Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại Nghị định này là công trình kết cấu hạ tầng hàng không và đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng hàng không, gồm:

a) Công trình, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay.

b) Công trình thuộc kết cấu hạ tầng sân bay, gồm: Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và các công trình, khu phụ trợ của sân bay; công trình khẩn nguy sân bay và công trình phòng, chống cháy nổ trong sân bay; công trình hàng rào vành đai sân bay, cốt gác và đường giao thông nội cảng trong sân bay; công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường trong sân bay; bãi tập kết phương tiện, thiết bị mặt đất, khu vực tra nạp nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị mặt đất; các công trình khác thuộc khu bay.

c) Công trình phục vụ bảo đảm, khẩn nguy sân bay ngoài sân bay.

d) Công trình hàng rào cảng hàng không; đường giao thông nội cảng ngoài sân bay và các công trình: cấp điện; cấp, thoát nước; chiếu sáng; thông tin liên lạc không thuộc phạm vi công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

đ) Công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường ngoài sân bay.

e) Công trình nhà ga hành khách, nhà khách phục vụ ngoại giao, khu logistics hàng không, nhà ga hàng hóa, kho hàng hoá kèm khu tập kết hàng hóa.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia được xác định như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có liên quan đến quốc phòng là tài sản được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ các công trình quốc phòng và khu quân sự.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có liên quan đến an ninh quốc gia là tài sản được xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nguyên tắc sau đây:

1. Được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được tính hao mòn, khấu hao tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật.

2. Việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển cảng hàng không, sân bay được phê duyệt, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đối tượng được giao quản lý.

3. Khi quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định này:

a) Trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng hoặc tài sản là công trình lưỡng dụng (vừa sử dụng vào mục đích hàng không dân dụng vừa sử dụng vào mục đích quốc phòng) theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ các công trình quốc phòng và khu quân sự (gọi chung là tài sản có liên quan đến quốc phòng) phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an.

b) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Xây dựng, cơ quan quản lý hàng không, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm xác định.

4. Việc khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định này được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không. Trường hợp khai thác, xử lý một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thì phải đảm bảo hoạt động hàng không thông suốt, an toàn và không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại. Trường hợp khai thác, xử lý toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không mà làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác hoặc các tài sản khác thuộc khu vực cảng hàng không, sân bay thì phải có ý kiến của đối tượng được giao quản lý các tài sản có liên quan đó và phải có giải pháp, xác định rõ trách nhiệm đề khắc phục.

5. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý, sử dụng đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp thu hồi đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật đất đai thì việc thu hồi đất gắn với công trình, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, việc xử lý đất, công trình gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Việc sử dụng quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Chương II

GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Điều 5. Đối tượng và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Giao doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 3 Nghị định này:

a) Giao doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng quản lý đối với tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Giao doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng quản lý đối với tài sản quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều 3 Nghị định này theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Sau khi giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ nhu cầu và khả năng quản lý, khai thác tài sản, ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng xây dựng phương án đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đối với toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã giao cho doanh nghiệp theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Phương án đầu tư bổ sung vốn nhà nước phải xác định cụ thể danh mục tài sản kết cấu hạ tầng hàng không chuyển từ hình thức giao không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quản lý thì thẩm quyền, thủ tục giao, điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng đó là doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư, chủ dự án, ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản để quản lý, sử dụng và khai thác; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng đó không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản của dự án, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng về Bộ Xây dựng để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; việc điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Nếu đối tượng thụ hưởng không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì đối tượng thụ hưởng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản về Bộ Xây dựng để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không về Bộ Xây dựng để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do các đối tượng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản về Bộ Xây dựng để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 18 Nghị định này để quyết định và thực hiện việc điều chuyển tài sản; không phải thực hiện thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Điều 6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thuộc phạm vi quản lý.

2. Căn cứ hồ sơ kế toán, hồ sơ điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không về Bộ Xây dựng và thực tế quản lý, Bộ Xây dựng chỉ đạo tổ chức việc rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này quản lý thì doanh nghiệp được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này đang quản lý, sử dụng nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đang tạm giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này) quản lý.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không được điều chuyển về Bộ Xây dựng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định này.

3. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý hàng không lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này, báo cáo Bộ Xây dựng. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý hàng không về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Xây dựng; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

c) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp quản lý tài sản (trong trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu không phải là Bộ Xây dựng): bản chính.

d) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý hàng không chủ trì lập: bản chính.

đ) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao. Trường hợp không có hồ sơ pháp lý về tài sản hoặc có hồ sơ pháp lý về tài sản nhưng bị mất hoặc thất lạc, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản có văn bản xác nhận về tình trạng hồ sơ của tài sản và chịu trách nhiệm về việc xác nhận của mình: bản chính.

e) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

4. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị giao tài sản thì doanh nghiệp quản lý tài sản (đối với trường hợp quy định tại điểm b,

điểm c khoản 2 Điều này), cơ quan quản lý hàng không (đối với trường hợp quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này) xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán hoặc đã theo dõi trên sổ kế toán nhưng chưa tính hao mòn hoặc đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì doanh nghiệp quản lý tài sản (đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này), cơ quan quản lý hàng không (đối với trường hợp quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này) phải xác định lại giá trị còn lại theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý hàng không thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không. Chi phí thuê thẩm định giá được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (hoạt động không tự chủ/không thường xuyên) của cơ quan quản lý hàng không.

Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản dự kiến giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý hàng không trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

6. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không gồm:

a) Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản.

b) Hình thức giao tài sản: Không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản). Trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì danh mục tài sản giao bao gồm cả giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đối với tài sản được giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan.

8. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đối với tài sản được giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều này; sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này.

c) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản là công ty cổ phần có vốn nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định

của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp làm tăng phần vốn nhà nước là giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật khác có liên quan và các quy định tại khoản 9 Điều này.

9. Các quy định áp dụng cho doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phải bảo đảm quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không giao cho doanh nghiệp quản lý.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kế toán đối với tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

c) Đối với công trình hoặc hạng mục công trình kết cấu hạ tầng hàng không không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng hàng không mà doanh nghiệp tự nguyện trả lại đất gắn với công trình, hạng mục công trình đó cho Nhà nước và các trường hợp khác phải thu hồi đất gắn với công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và xử lý đất, tài sản sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

d) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm đăng ký đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật có liên quan.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Chương III Nghị định này.

Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định này

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định việc chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gửi cơ quan quản lý hàng không để báo cáo Bộ Xây dựng. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng về việc chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc chuyển hình thức giao): bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng (trong trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu không phải là Bộ Xây dựng): bản chính.

c) Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đề nghị chuyển từ hình thức giao không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản): bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng tài sản): bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

3. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng, hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng phải xác định lại giá trị còn lại theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này:

Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật để thẩm định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được đề xuất chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản dự kiến chuyển hình thức giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Chi phí thuê thẩm định giá trị tài sản được tính vào chi phí của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng quy định tại Điều 15 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý hàng không báo cáo Bộ Xây dựng lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển hình thức giao tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý hàng không về việc đề nghị chuyển hình thức giao quản lý tài sản: bản chính.

b) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan do cơ quan quản lý hàng không lập: bản chính.

c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan: bản sao.

d) Các hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này: bản sao.

đ) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

5. Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp gồm:

a) Tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được chuyển hình thức giao tài sản.

b) Danh mục tài sản được chuyển từ hình thức giao không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Giá trị tài sản tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện việc điều chỉnh danh mục tài sản và giá trị tài sản, kế toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.

Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không sau khi chuyển sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật khác có liên quan và các quy định tại khoản 9 Điều 6 Nghị định này.

Điều 8. Giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được điều chuyển về Bộ Xây dựng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định này

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được điều chuyển về Bộ Xây dựng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định này.

2. Căn cứ quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không về Bộ Xây dựng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định này, cơ quan quản lý hàng không căn cứ loại tài sản, doanh nghiệp và hình thức giao tài sản theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không, báo cáo Bộ Xây dựng. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý hàng không về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Xây dựng; doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

c) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản (trong trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu không phải là Bộ Xây dựng): bản chính.

d) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/ diện tích/ khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý hàng không chủ trì lập: bản chính.

đ) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng tài sản): bản sao.

e) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

3. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

5. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định này.

6. Việc thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản điều chuyển (Bên giao), doanh nghiệp quản lý tài sản (Bên nhận) và cơ quan quản lý hàng không (Bên chứng kiến) thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sau khi tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan.

c) Sau khi tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 6 Nghị định này; trên cơ sở đó, thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật khác có liên quan và các quy định tại khoản 9 Điều 6 Nghị định này.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG GIAO CHO DOANH NGHIỆP KINH DOANH, KHAI THÁC CẢNG THEO HÌNH THỨC KHÔNG TÍNH THÀNH PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Mục 1

HỒ SƠ QUẢN LÝ, KẾ TOÁN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Điều 9. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Hồ sơ quản lý tài sản gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; hồ sơ pháp lý về đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng hàng không (nếu có) đối với trường hợp được cơ quan có thẩm quyền giao đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Báo cáo kê khai; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định này.

c) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định này.

2. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

Trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ đối với các hồ sơ đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp, cải tạo tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

2. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm:

a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này.

b) Thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được xác định theo nguyên tắc:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá trị đã có để ghi sổ kế toán.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được mua sắm, đầu tư xây dựng mới thì nguyên giá để ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, giá trị đầu tư xây dựng theo quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư được quyết toán chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng/dự toán chi tiết/tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng).

Trường hợp tài sản đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

Giá trị thẩm tra quyết toán.

Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán.

Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (quyết toán A - B).

Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất.

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền thì nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản được xác định căn cứ vào nguyên giá, giá trị còn lại ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển.

Trường hợp tại Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản không có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng căn cứ hồ sơ của tài sản và quy định tại các điểm a, b và d khoản này để thực hiện việc xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản.

d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không có thông tin để xác định giá trị của tài sản thì thực hiện như sau:

Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng) và tài sản tương đương đó đã được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương để xác định giá trị tài sản.

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tương đương nhưng tài sản đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Chi phí thuê thẩm định giá tài sản được tính vào chi phí của doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng quy định tại Điều 15 Nghị định này.

đ) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không khi kiểm kê phát hiện thừa trong quá trình sử dụng thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, giá trị ghi sổ kế toán được xác định tương ứng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.

4. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không khi thực hiện tổng kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tháo dỡ hoặc lắp đặt một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không mà các bộ phận này được quản lý theo tiêu chuẩn của một tài sản hữu hình (trong trường hợp giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ hoặc lắp đặt đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ hoặc lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình.

d) Tài sản bị mất một phần hoặc bị hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự kiện bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì hàng không hoặc được khôi phục lại thông qua bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).

5. Giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại Nghị định này được sử dụng để ghi sổ kế toán, kê khai để đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

6. Việc kế toán, quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mục 2

BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG VÀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH TÀI SẢN TRONG THỜI GIAN NÂNG CẤP, CẢI TẠO, MỞ RỘNG TÀI SẢN

Điều 11. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Việc bảo trì, hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

2. Kinh phí quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do ngân sách nhà nước đảm bảo.

3. Tổ chức thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

a) Căn cứ kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và các căn cứ khác theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không, báo cáo Bộ Xây dựng tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

b) Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Xây dựng giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

c) Trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp, cấp bách (sự cố kỹ thuật bất thường liên quan đến kết cấu hạ tầng hàng không) hoặc sửa chữa đột xuất theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình cần phải xử lý, khắc phục ngay để đảm bảo an ninh, an toàn hàng không liên tục, thông suốt thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được ứng kinh phí từ nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại Điều 15 Nghị định này hoặc nguồn kinh phí của doanh nghiệp để thực hiện. Đồng thời, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng phải báo cáo cơ quan quản lý hàng không và lập đề nghị giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước gửi cơ quan quản lý hàng không, Bộ Xây dựng. Sau khi được cấp thẩm quyền giao dự toán, Bộ Xây dựng thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng để hoàn trả khoản ứng đã chi xử lý tình huống khẩn cấp, cấp bách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật có liên quan.

đ) Việc sử dụng, quyết toán với ngân sách nhà nước về kinh phí cho công tác quản lý, bảo trì, bổ sung xử lý, khắc phục sự cố tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

4. Trong quá trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc bảo trì tài sản thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

Điều 12. Quản lý, vận hành tài sản trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt

1. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng đang quản lý được đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác mà trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có) thì việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thì căn cứ dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm bố trí mặt bằng, tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phục vụ thi công cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện dự án. Việc tạm bàn giao tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Trong thời gian thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm quản lý, kế toán tài sản; chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bảo vệ, bảo quản tài sản, trong đó có trách nhiệm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không trong phạm vi của dự án; trong trường hợp này, không bố trí kinh phí quản lý, bảo trì cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng.

c) Sau khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bàn giao phần tài sản và giá trị tài sản tăng thêm do thực hiện dự án theo quy định của pháp luật cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan, trừ trường hợp giá trị đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng được tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư của chủ đầu tư dự án.

Mục 3

KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Điều 13. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện theo phương thức doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản.

Trường hợp pháp luật có liên quan có quy định được thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo phương thức khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đó; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không gồm:

a) Tiền thu từ cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

b) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc khai thác thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

Điều 14. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (một phần hoặc toàn bộ tài sản) theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan.

2. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan.

3. Giá dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật về giá và pháp luật có liên quan.

4. Hội đồng quản trị của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm ban hành Quy chế cung cấp các dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả.

Điều 15. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản

1. Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều này, là nguồn thu của ngân sách trung ương.

Hàng quý, chậm nhất là ngày thứ 15 của tháng đầu tiên trong quý, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm nộp số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này của quý trước liền kề vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Hàng năm, chậm nhất 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm nộp số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã phát sinh của năm tài chính trước vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ đi các khoản chi phí có liên quan theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và các khoản đã tạm nộp hàng quý.

2. Các chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không gồm:

a) Chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện thẩm định giá quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7, điểm d khoản 3 Điều 10 Nghị định này.

b) Chi phí trực tiếp thực hiện việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không gồm các khoản chi phí trực tiếp, riêng biệt đối với việc khai thác, vận hành tài sản phù hợp với cơ chế tài chính của doanh nghiệp.

c) Chi phí gián tiếp liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không gồm các khoản chi phí có liên quan không trực tiếp, chi phí dùng chung trong việc khai thác, vận hành tài sản được phân bổ theo các tiêu chí phù hợp.

3. Đối với các nội dung chi đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật có liên quan) và có giá của Nhà nước quy định thì áp dụng theo các quy định đó. Đối với các nội dung chi chưa có các căn cứ nêu trên thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng căn cứ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật để phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Bộ Xây dựng quy định việc xác định chi phí trực tiếp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; quy định các tiêu chí phân bổ chi phí gián tiếp, dùng chung liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phù hợp với hoạt động vận hành, khai thác tại từng cảng hàng không, sân bay quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

5. Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều này được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tương ứng của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

6. Kinh phí bảo trì tài sản được ứng để giải quyết các trường hợp đột xuất, cấp bách phát sinh và được quyết toán kinh phí bổ sung được duyệt theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

Mục 4 **XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG**

Điều 16. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Thu hồi.
2. Điều chuyển.

3. Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý.
4. Thanh lý.
5. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
6. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không bị thu hồi trong các trường hợp sau:
 - a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý.
 - b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.
 - c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thuộc phạm vi quản lý.
3. Việc xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không sau khi thu hồi được thực hiện theo các hình thức sau:
 - a) Điều chuyển. Trong đó, trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được xây dựng toàn bộ hoặc một phần trên đất quốc phòng thì thực hiện việc điều chuyển tài sản gắn liền với đất cho đơn vị của Bộ Quốc phòng đang quản lý đất đó để quản lý, sử dụng hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại lực lượng vũ trang dân dân và pháp luật có liên quan.
 - b) Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý.
4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này).
 - a) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, gửi cơ quan quản lý hàng không để báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng về việc đề nghị thu hồi tài sản (trong đó nêu rõ lý do đề nghị thu hồi): bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/ diện tích/ khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản): bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý hàng không báo cáo Bộ Xây dựng lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định thu hồi tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý hàng không về việc đề nghị thu hồi tài sản: bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản): bản chính.

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có) do cơ quan quản lý hàng không lập: bản chính.

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: bản sao.

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng không gồm: Tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có tài sản thu hồi; tên cơ quan thực hiện quyết định thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, cơ quan thực hiện quyết định thu hồi thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được phê duyệt; trường hợp xử lý theo phương án điều chuyển được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này; trường hợp xử lý theo phương án chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đối với trường hợp theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 4 Điều này.

Điều 18. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được điều chuyển trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi đối tượng quản lý, phân cấp quản lý theo quy định; đặc thù về quản lý, vận hành tài sản theo pháp luật về hàng không dân dụng.

b) Không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

c) Thay đổi mục đích sử dụng tài sản gắn với đất từ mục đích dân dụng sang mục đích quốc phòng, từ mục đích lưỡng dụng sang mục đích quốc phòng.

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trong đó, trường hợp điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được đầu tư, xây dựng trên đất quốc phòng thì chỉ thực hiện điều chuyển cho đơn vị của Bộ Quốc phòng được giao quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản đó. Việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không sau khi điều chuyển cho đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại lực lượng vũ trang nhân dân và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thuộc phạm vi quản lý sang Bộ Xây dựng.

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thuộc phạm vi quản lý sang Bộ Xây dựng.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, từ Bộ Xây dựng sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cần điều chuyển, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, gửi cơ quan quản lý hàng không. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng về việc đề nghị điều chuyển tài sản (trong đó nêu rõ lý do điều chuyển): bản chính.

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì trong văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản cần nêu rõ phương án sử dụng tài sản sau khi tiếp nhận.

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: bản chính.

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý hàng không báo cáo Bộ Xây dựng lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, các cơ quan có liên quan (nếu cần thiết), lập 01 bộ hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý hàng không về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản): bản chính.

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có) do cơ quan quản lý hàng không lập: bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan: bản sao.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: bản sao.

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng gồm: Tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/ diện tích/ khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng (Bên giao) hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị (Bên nhận) không tiếp nhận tài sản điều chuyển thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị hủy hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng (Bên giao) chậm bàn giao thì các khoản chi phí phát sinh do doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng chi trả và không được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận.

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

4. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không từ bộ, cơ quan khác ở trung ương hoặc địa phương về Bộ Xây dựng:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, gửi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thuộc bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không về Bộ Xây dựng: bản chính.

Văn bản của Bộ Xây dựng về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: bản chính.

Ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc phòng trong trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng; ý kiến bằng văn bản của Bộ Công an trong trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia: bản chính.

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 3 Điều này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này (đối với trường hợp tài sản xử lý thuộc Bộ Xây dựng), danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này (đối với trường hợp tài sản xử lý thuộc bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); hồ sơ liên quan đến tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.

Trình tự thực hiện, nội dung quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của đối tượng có tài sản điều chuyển, trừ trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

Điều 19. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không về địa phương quản lý, xử lý

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Tài sản đã được giao cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng nhưng doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng không còn nhu cầu sử dụng.

b) Bị loại ra khỏi quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không về địa phương quản lý, xử lý không áp dụng đối với tài sản do doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng quản lý được xây dựng trên đất quốc phòng mà thực hiện điều chuyển về Bộ Quốc phòng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 Nghị định này để quản lý, sử dụng, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lượng vũ trang nhân dân và pháp luật có liên quan.

3. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không về địa phương quản lý, xử lý.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cần chuyển giao, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, gửi cơ quan quản lý hàng không để báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: bản chính.

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý hàng không báo cáo Bộ Xây dựng lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản, ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có), lập 01 bộ hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý hàng không về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: bản chính.

Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) và của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính.

Các văn bản liên quan đến lý do tiếp nhận tài sản (nếu có): bản sao.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: bản sao.

Các hồ sơ có liên quan khác: bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản); danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã).

e) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản quy định tại điểm đ khoản này (Bên nhận) tổ chức bàn giao,

tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng (Bên giao) hoặc cơ quan chức năng của địa phương (Bên nhận) không tiếp nhận tài sản chuyển giao thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị hủy hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng (Bên giao) chậm bàn giao thì các khoản chi phí phát sinh do doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng chi trả và không được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

g) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

h) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

i) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

k) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 4 Điều này, trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có tài sản chuyển giao, trừ trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản quy định tại điểm g khoản 4 Điều này.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể đề tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu đề báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

c) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

d) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất hoặc không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

Cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không gắn liền với đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định hình thức xử lý tài sản gắn liền với đất theo một trong hai hình thức: Giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước cho người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi thực hiện việc giao đất, cho thuê đất.

Trường hợp xử lý tài sản gắn liền với đất theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước cho người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất quyết định giá trị tài sản trên đất phải hoàn trả bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản và được thành lập Hội đồng thẩm định giá Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm cơ sở quyết định giá trị tài sản phải hoàn trả. Giá trị tài sản phải hoàn trả được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, được công khai đưa vào hồ sơ mời thầu (trong trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất), đưa vào thông báo đấu giá đất (trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất), thông báo cho người được giao đất, cho thuê đất trước khi quyết định giao đất, cho thuê đất (trong trường hợp không thực hiện

đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất) để người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất phải hoàn trả được phân bổ cho từng lô đất theo tỷ lệ diện tích của từng lô đất trên tổng diện tích của tất cả các lô đất.

Trường hợp xử lý tài sản gắn liền với đất theo hình thức phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 20 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất (thuộc trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất), thông báo cho người có nhu cầu giao đất, cho thuê đất trước khi quyết định giao đất, cho thuê đất (trong trường hợp không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất).

đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất hoặc không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

Việc xử lý tài sản gắn liền với đất do tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan nông nghiệp và môi trường để tham mưu thực hiện theo quy định tại điểm d khoản này.

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này.

Điều 20. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không có hiệu quả.

b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cũ để đầu tư xây dựng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không mới hoặc để đảm bảo giao thông, hoàn trả mặt bằng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ. Việc thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không áp dụng đối với đất gắn với tài sản.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

a) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý: bản chính.

Các hồ sơ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có tài sản thanh lý; danh mục tài sản (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); tình trạng sử dụng của tài sản); hình thức thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình, hạng mục công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng không và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này.

5. Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ tài sản:

a) Giao vật liệu, vật tư thu hồi còn sử dụng được cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng để sử dụng vào công tác bảo trì theo quy định tại khoản 6 Điều này.

b) Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi còn sử dụng được cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác để quản lý, sử dụng.

c) Bán vật liệu, vật tư thu hồi còn sử dụng được.

d) Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức thực hiện việc hủy bỏ vật liệu, vật tư thu hồi không còn sử dụng được.

6. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng để sử dụng vào công tác bảo trì: Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán chi phí bảo trì tài sản của năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi còn sử dụng được cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng; đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (01 bộ) gồm:

Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản chính.

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), cơ quan đại

diện chủ sở hữu của doanh nghiệp: bản chính.

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): bản chính.

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tổ chức thực hiện việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ).

9. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng không phải thực hiện trình tự, thủ tục thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã

được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.

Điều 21. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng về việc đề nghị xử lý tài sản, trong đó nêu rõ nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính.

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính.

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản): bản chính.

Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng

đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản); nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm:

a) Thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành.

b) Báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

c) Xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để khôi phục hoạt động hàng không an toàn, thông suốt.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng không bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này; sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có), được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để sửa chữa, đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định tương ứng của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 22. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại nếu có) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

2. Nội dung chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.

b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.

c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.

d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.

đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ đó.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán, gửi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng để chi trả chi phí xử lý tài sản.

Mục 5

SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Điều 23. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo phương thức đối tác công tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư cho Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Việc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được áp dụng đối với tài sản kết cấu

hạ tầng hàng không đang do Bộ Xây dựng quản lý, tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được điều chuyển hoặc chuyển giao từ Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý. Trường hợp sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được điều chuyển hoặc chuyển giao từ Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trên cơ sở quyết định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về chủ trương cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thuộc Bộ Xây dựng quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Bộ trưởng Bộ xây dựng quyết định điều chuyển tài sản theo quy định tại Điều 18 Nghị định này hoặc quyết định chuyển giao tài sản theo quy định tại Điều 19 Nghị định này về địa phương quản lý với trình tự, thủ tục quyết định và bàn giao, tiếp nhận tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18, khoản 4 Điều 19 Nghị định này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh là cơ quan chịu trách nhiệm tiếp nhận tài sản được điều chuyển, chuyển giao từ Bộ Xây dựng về địa phương quản lý.

3. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đang do Bộ Xây dựng quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được điều chuyển hoặc chuyển giao từ Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

4. Trình tự, thủ tục quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng (đối với tài sản thuộc Bộ Xây dựng quản lý), cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh) (đối với tài sản được điều chuyển hoặc chuyển giao từ Bộ Xây dựng về địa phương quản lý) lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính.

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao. Trong đó, trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá

trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản): bản chính.

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư gồm: Tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh có tài sản sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; tên nhà đầu tư tiếp nhận tài sản; danh mục tài sản (tên tài sản; nguồn gốc, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số kỹ thuật cơ bản (kích thước/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại; tính chất sử dụng (dân dụng, lưỡng dụng); quyền quản lý, sử dụng đất gắn với công trình; tình trạng sử dụng của tài sản); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này về việc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, căn cứ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng ký kết, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Việc bảo quản, bảo vệ, bảo trì, khai thác tài sản trong thời gian bàn giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thuộc quyền quản lý của Bộ Xây dựng, tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận từ Bộ Xây dựng) được thực hiện như sau:

a) Trường hợp sử dụng tài sản do Bộ Xây dựng quản lý để tham gia dự án, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp tục thực hiện bảo quản, bảo vệ, bảo trì, khai thác tài sản, quản lý, sử dụng số tiền bảo trì, tiền thu từ khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp sử dụng tài sản được điều chuyển hoặc chuyển giao từ Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý:

Nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp

tỉnh đủ năng lực quản lý, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật chuyên ngành hàng không thì cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thực hiện bảo quản, bảo vệ, bảo trì, khai thác tài sản, quản lý, sử dụng số tiền bảo trì, tiền thu từ khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này tương ứng với tài sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý; cơ quan được giao quản lý tài sản là cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ của Bộ Xây dựng theo quy định tại Nghị định này trong việc quản lý, sử dụng và khai thác. Bộ Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để bảo đảm hoạt động vận tải hàng không thông suốt, an toàn, không bị gián đoạn theo quy định của pháp luật.

Nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh không đủ năng lực quản lý, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật chuyên ngành hàng không thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Xây dựng chỉ đạo doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện việc bảo quản, bảo vệ, bảo trì, khai thác tài sản, quản lý, sử dụng số tiền bảo trì, tiền thu từ khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này tương tự tài sản do Bộ Xây dựng quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Xây dựng, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng để bảo đảm hoạt động vận tải hàng không thông suốt, an toàn, không bị gián đoạn theo quy định của pháp luật.

7. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

8. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU

VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Điều 24. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phải được báo cáo kê khai và được cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin của doanh nghiệp quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản đã báo cáo kê khai.

3. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển) hoặc ngày có thay đổi thông tin của doanh nghiệp quản lý tài sản, thông tin về tài sản đã kê khai.

4. Hằng năm, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không gồm:

a) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hàng không hằng năm thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản lập báo cáo, gửi Bộ Xây dựng. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 02 hằng năm.

b) Bộ Xây dựng tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu và thực hiện công khai về tài sản của cả nước.

7. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

- a) Gửi trực tiếp.
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.
- c) Gửi qua Fax.
- d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.
- đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.
- e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước; thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.

2. Việc xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật.

b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

3. Bộ Xây dựng chỉ đạo cơ quan quản lý hàng không, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu về tài

sản kết cấu hạ tầng hàng không vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng:

a) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không, Bộ Xây dựng chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp quản lý tài sản có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hoạt động hàng không thông suốt, an toàn.

b) Quy định định mức kỹ thuật làm căn cứ xác định chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hằng năm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định này; quy định việc xác định chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, chi phí dùng chung quy định khoản 4 Điều 15 Nghị định này trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

c) Phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hằng năm.

d) Chỉ đạo rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

đ) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý.

e) Chỉ đạo việc đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thuộc phạm vi quản lý; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

g) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

h) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định này.

i) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định

này và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Hướng dẫn việc kê toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật về kê toán.

b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

d) Hướng dẫn Bộ Xây dựng tích hợp Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các đối tượng khác có liên quan được nộp hồ sơ điện tử thông qua trực liên thông văn bản quốc gia hoặc hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trong trường hợp đã có chữ ký số khi thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định này và được sử dụng bản quét chữ ký số trên Hồ sơ công việc điện tử thay cho bản chính. Trường hợp thực hiện thủ tục quy định tại Nghị định này mà phải thực hiện qua nhiều bước thì các bản chính theo quy định của từng thủ tục được lưu tại cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định; các cơ quan khác lưu bản sao.

5. Trường hợp các cơ quan, đơn vị nêu tại Nghị định này sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động dẫn đến thay đổi tên gọi thì sử dụng theo tên gọi mới của cơ quan, đơn vị đó; trường hợp chuyển giao nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại Nghị định này cho cơ quan, đơn vị mới thì cơ quan, đơn vị mới thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ được chuyển giao.

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định theo Quyết định số 2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ:

a) Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, cơ quan và đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (trong đó có việc áp dụng cơ chế quản lý, sử dụng tiền thu từ khai thác tài sản) theo quy định tại Quyết định số 2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2026 và không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này. Sau thời hạn này, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, cơ quan và đơn vị liên quan thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định này.

b) Khi hết thời hạn thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại điểm a khoản này, đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được sử dụng chung giữa doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng và doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay thì Bộ Xây dựng quyết định giao cho 01 doanh nghiệp quản lý tài sản tương ứng với hình thức giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện xác định giá trị để kê toán tài sản theo quy định tại Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và Quyết định số 2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thì phải hoàn thành việc xác định giá trị tài sản theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thực hiện kê toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đang thực hiện xử lý tài sản mà chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này quản lý thì thực hiện việc giao, điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Nghị định này.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Điều 29. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà



Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

*(Kèm theo Nghị định số 287 /2025/NĐ-CP
ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không
Mẫu số 02	Biên bản tạm bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Căn cứ Quyết định số ngày .../.../... của về việc;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., tại, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao:

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

2. Đại diện bên nhận:

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận¹:

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng tài sản)	Nguồn gốc	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng	Giá trị tài sản (đồng)		Tính chất sử dụng của tài sản		Tình trạng sử dụng của tài sản	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản
						Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)	Dân dụng	Luồng dụng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

¹ Trường hợp bàn giao tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi theo hình thức điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp để quản lý, sử dụng thì danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận (vật liệu, vật tư thu hồi) theo quy định tại khoản 7 Điều 20 Nghị định số/2025/NĐ-CP.

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

.....

.....

.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:.....

b) Trách nhiệm của Bên nhận:.....

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TẠM BÀN GIAO
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., tại, việc tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản (tên dự án, địa điểm thực hiện dự án) được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (Quyết định phê duyệt số, ngày, cơ quan phê duyệt) như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA TẠM BÀN GIAO TÀI SẢN

1. Đại diện Bên giao (cơ quan/doanh nghiệp quản lý tài sản):

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

2. Đại diện Bên nhận (chủ đầu tư dự án):

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

3. Đại diện Cơ quan/tổ chức chứng kiến (nếu có)

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG

1. Danh mục tài sản tạm bàn giao cho chủ đầu tư dự án:

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng tài sản)	Nguồn gốc	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng	Giá trị tài sản (đồng)		Tính chất sử dụng của tài sản		Tình trạng sử dụng của tài sản	Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)	Dân dụng	Luỹng dụng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

2. Thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án:

3. Các hồ sơ liên quan đến tài sản tạm bàn giao cho chủ đầu tư:

.....

4. Trách nhiệm của các bên:

a) Trách nhiệm của Bên giao (doanh nghiệp quản lý tài sản):

b) Trách nhiệm của Bên nhận (chủ đầu tư dự án):

(Trong đó nêu rõ: Việc xử lý các vấn đề phát sinh trong thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án, sau khi dự án hoàn thành và nội dung liên quan khác - nếu có).

5. Ý kiến của các bên tham gia tạm bàn giao tài sản:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN TẠM BÀN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU
(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP
ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không
Mẫu số 02	Biên bản tạm bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Căn cứ Quyết định số ngày .../.../... của về việc;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., tại, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao:

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

2. Đại diện bên nhận:

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận¹:

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng tài sản)	Nguồn gốc	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng	Giá trị tài sản (đồng)		Tính chất sử dụng của tài sản		Tình trạng sử dụng của tài sản	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản
						Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)	Dân dụng	Lương dụng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

¹ Trường hợp bàn giao tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi theo hình thức điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp để quản lý, sử dụng thì danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận (vật liệu, vật tư thu hồi) theo quy định tại khoản 7 Điều 20 Nghị định số/2025/NĐ-CP.

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:.....

b) Trách nhiệm của Bên nhận:.....

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TẠM BÀN GIAO
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm...., tại, việc tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản (tên dự án, địa điểm thực hiện dự án) được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (Quyết định phê duyệt số, ngày, cơ quan phê duyệt) như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA TẠM BÀN GIAO TÀI SẢN

1. Đại diện Bên giao (cơ quan/doanh nghiệp quản lý tài sản:

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

2. Đại diện Bên nhận (chủ đầu tư dự án):

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

3. Đại diện Cơ quan/tổ chức chứng kiến (nếu có)

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG

1. Danh mục tài sản tạm bàn giao cho chủ đầu tư dự án:

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng tài sản)	Nguồn gốc	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng	Giá trị tài sản (đồng)		Tính chất sử dụng của tài sản		Tình trạng sử dụng của tài sản	Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)	Dân dụng	Lương dụng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

2. Thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án:

3. Các hồ sơ liên quan đến tài sản tạm bàn giao cho chủ đầu tư:

.....

4. Trách nhiệm của các bên:

a) Trách nhiệm của Bên giao (doanh nghiệp quản lý tài sản):

b) Trách nhiệm của Bên nhận (chủ đầu tư dự án):

(Trong đó nêu rõ: Việc xử lý các vấn đề phát sinh trong thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án, sau khi dự án hoàn thành và nội dung liên quan khác - nếu có).

5. Ý kiến của các bên tham gia tạm bàn giao tài sản:

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN TẠM BÀN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

*(Kèm theo Nghị định số 287/2025/NĐ-CP
ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không
Mẫu số 02	Biên bản tạm bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Căn cứ Quyết định số ngày .../.../... của về việc;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., tại, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao:

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

2. Đại diện bên nhận:

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:.....

Ông (Bà): Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận¹:

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng tài sản)	Nguồn gốc	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng	Giá trị tài sản (đồng)		Tính chất sử dụng của tài sản		Tình trạng sử dụng của tài sản	Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản
						Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)	Dân dụng	Luồng dụng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

¹ Trường hợp bàn giao tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi theo hình thức điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp để quản lý, sử dụng thì danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận (vật liệu, vật tư thu hồi) theo quy định tại khoản 7 Điều 20 Nghị định số/2025/NĐ-CP.

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

.....

.....

.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:.....

b) Trách nhiệm của Bên nhận:.....

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TẠM BÀN GIAO
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày .../.../2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., tại, việc tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản (tên dự án, địa điểm thực hiện dự án) được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (Quyết định phê duyệt số, ngày, cơ quan phê duyệt) như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA TẠM BÀN GIAO TÀI SẢN

1. Đại diện Bên giao (cơ quan/doanh nghiệp quản lý tài sản):

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

2. Đại diện Bên nhận (chủ đầu tư dự án):

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

3. Đại diện Cơ quan/tổ chức chứng kiến (nếu có)

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG

1. Danh mục tài sản tạm bàn giao cho chủ đầu tư dự án:

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng tài sản)	Nguồn gốc	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng	Giá trị tài sản (đồng)		Tính chất sử dụng của tài sản		Tình trạng sử dụng của tài sản	Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)	Dân dụng	Luỹng dụng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

2. Thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án:

3. Các hồ sơ liên quan đến tài sản tạm bàn giao cho chủ đầu tư:

.....

4. Trách nhiệm của các bên:

a) Trách nhiệm của Bên giao (doanh nghiệp quản lý tài sản):

b) Trách nhiệm của Bên nhận (chủ đầu tư dự án):

(Trong đó nêu rõ: Việc xử lý các vấn đề phát sinh trong thời gian tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án, sau khi dự án hoàn thành và nội dung liên quan khác - nếu có).

5. Ý kiến của các bên tham gia tạm bàn giao tài sản:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN TẠM BÀN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)